SHB

Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp



CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

(Kỳ 30/06/2024)

(Theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài)

www.shb.com.vn



MỤC LỤC

PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN Trang 1

1. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ Trang 2

2. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (CAR) Trang 3

3. RỦI RO TÍN DỤNG Trang 4

4. RỦI RO HOẠT ĐỘNG Trang 7

5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG Trang 9

PHẠM VI TÍNH TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Đây là nội dung công bố thông tin liên quan đến Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn -Hà Nội ("Ngân hàng") và các công ty con (được gọi chung là "SHB") cho thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024. Các thông tin được công bố phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước ("NHNN") tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định Tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Phụ lục 5 - Nội dung công bố thông tin).

Tại ngày 30/06/2024, SHB có các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất khi tính Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ *(triệu đồng)*	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB AMC")	20.000	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
2	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Lào ("SHB Lào")	1.279.488	Tài chính/ Ngân hàng	100%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn - Hà Nội Campuchia ("SHB Campuchia")	1.744.452	Tài chính/ Ngân hàng	100%

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ *(triệu đồng)*	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng
1	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ("SHB FC")	500.000	Cho vay tiêu dùng	50%

Tại ngày 30/06/2024, SHB không có công ty con và công ty liên kết nào là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, do vậy, bảng cân đối hợp nhất để tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất sẽ tương tự với bảng cân đối kế toán.



1. CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ

(i) Thành phần chính Vốn tự có của SHB bao gồm:

- Cấu phần chính của Vốn cấp 1:
  - Vốn điều lệ
  - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ
  - Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ
  - Quỹ dự phòng tài chính
  - Lợi nhuận chưa phân phối
- Cấu phần chính của Vốn cấp 2:
  - 80% dự phòng chung theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
  - Nợ thứ cấp do SHB phát hành và thỏa mãn các điều kiện của NHNN về nợ thứ cấp được tính vào vốn cấp 2.

- Thông tin về các cấu phần Vốn cấp 1, Vốn cấp 2, giá trị các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có riêng lẻ và Vốn tự có hợp nhất của SHB tính đến thời điểm 30/06/2024 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu vốn tự có	Riêng lẻ	Hợp nhất
1. Các khoản mục giảm trừ khi tính Vốn tự có		
Các khoản trừ khỏi vốn cấp 1	5.260	5.260
Các khoản trừ khỏi vốn cấp 2	-	-
Các khoản trừ khác	3.567.955	387.186
Tổng các khoản giảm trừ khi tính Vốn tự có	3.573.214	392.446
2. Giá trị vốn tự có		
Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	55.334.250	55.876.442
Vốn cấp 2 (sau các khoản trừ)	18.811.433	18.902.852
Tổng Vốn tự có	**70.577.728**	**74.384.341**



2. TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (CAR)

a). Nội dung định tính

- Quy trình tính toán Tỷ lệ an toàn vốn:

  SHB đã xây dựng hệ thống tính toán Tỷ lệ an toàn vốn tự động hàng tháng. Đồng thời, SHB đã ban hành văn bản nội bộ quy định/quy trình quy định trách nhiệm, quyền hạn của các bên trong công tác tính toán và quản lý Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

- Kế hoạch vốn đảm bảo duy trì Tỷ lệ an toàn vốn:

  SHB chủ động quản lý Tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với Khẩu vị rủi ro và duy trì mức đệm an toàn vốn đảm bảo an toàn trong việc phát triển hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

  Trong đó, SHB xây dựng Kế hoạch vốn hàng năm trên cơ sở đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP) với các nội dung chính như sau:

  - Kế hoạch vốn được lập hàng năm và dự phóng trong vòng 03 năm tiếp theo;
  - Kế hoạch vốn được xây dựng chi tiết từng cấu phần (vốn cấp 1, vốn cấp 2), chi tiết từng phương án tăng trưởng vốn;
  - Kế hoạch vốn được lập theo nguyên tắc SHB luôn tuân thủ quy định của NHNN, tuyên bố Khẩu vị rủi ro trong cả điều kiện kinh doanh bình thường và trong điều kiện có diễn biến bất lợi.

b). Nội dung định lượng

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu		Riêng lẻ	Hợp nhất
A	**Vốn tự có**	**70.577.728**	**74.384.341**
A1	Vốn cấp 1 (sau các khoản trừ)	55.334.250	55.876.442
B	**Tổng giá trị Tài sản có rủi ro (= 1 + 2 + (3+4)*12.5**	**577.421.867**	**589.682.662**
1	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	532.945.631	541.811.167
2	Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	88.537	88.537
3	Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động	2.879.390	3.151.011
4	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	671.626	671.626
C	**Tỷ lệ vốn cấp 1 (=A1/B)**	**9,58%**	**9,48%**
D	**Tỷ lệ an toàn vốn (=A/B)**	**12,22%**	**12,61%**

3. RỦI RO TÍN DỤNG

a) Nội dung định tính:

Rủi ro tín dụng là một trong các rủi ro trọng yếu của ngân hàng, được SHB định nghĩa bao gồm:

(i) Rủi ro tín dụng: Là rủi ro do Khách hàng (là cá nhân, pháp nhân bao gồm cả các tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài) không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với SHB, trừ rủi ro tín dụng đối tác;

(ii) Rủi ro tín dụng đối tác: Là rủi ro do đối tác (là cá nhân, pháp nhân) không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn các giao dịch dưới đây:

- Giao dịch tự doanh;
- Giao dịch repo và giao dịch reverse repo;
- Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro;
- Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính với mục đích phục vụ nhu cầu của Khách hàng, đối tác.

(iii) Chính sách Quản lý rủi ro tín dụng

SHB đã ban hành Chính sách Quản lý rủi ro tín dụng nhằm thống nhất mục tiêu, nguyên tắc và khung quản lý rủi ro tín dụng, đảm bảo phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm thực hành tốt nhất tại Việt Nam để áp dụng trong quản lý rủi ro tín dụng tại SHB.

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng SHB quy định đầy đủ các nội dung nhằm đảm bảo các hoạt động tín dụng của SHB được triển khai một cách an toàn, hiệu quả, phù hợp với định hướng quản trị rủi ro cho SHB trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Thống nhất mục tiêu, nguyên tắc, trách nhiệm quản lý rủi ro tín dụng;
- Quy định cụ thể các nội dung về Quản lý rủi ro tín dụng, bao gồm: Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng; Hạn mức rủi ro tín dụng; Nhận diện đo lường, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng; Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; Thẩm định cấp tín dụng; Phê duyệt quyết định có rủi ro tín dụng; Quản lý tín dụng; Cảnh báo sớm; Kiểm soát sau cấp tín dụng; Quản lý tài sản bảo đảm; Quản lý khoản cấp tín dụng có vấn đề; Phân loại nợ và trích lập dự phòng; Quản lý rủi ro tín dụng đối với sản phẩm mới, thị trường mới; Quản lý danh mục tín dụng; Quản lý rủi ro tín dụng tập trung; Dữ liệu về quản lý rủi ro tín dụng và Báo cáo về Quản lý rủi ro tín dụng.
- Các nội dung về Quản lý rủi ro tín dụng đối tác bao gồm: Quản lý rủi ro tín dụng đối tác; Đo lường rủi ro tín dụng đối tác; Theo dõi, kiểm soát rủi ro tín dụng đối tác; Báo cáo về Quản lý rủi ro tín dụng đối tác.

SHB đã ban hành hệ thống Hạn mức RRTD. Hạn mức RRTD được xây dựng và thiết lập căn cứ trên cơ sở phân bổ các giới hạn khẩu vị rủi ro đảm bảo tuân thủ các yêu cầu, các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu của SHB cũng như tuân thủ quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Định kỳ hàng năm, SHB thực hiện đánh giá tính phù hợp của hạn mức RRTD để đưa ra những điều chỉnh phù hợp.

SHB đã xây dựng các công cụ, mô hình để đo lường và đánh giá mức độ rủi ro tín dụng bao gồm: Hệ thống Xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB), Hệ thống quản lý thu hồi nợ cũng như hệ thống thông tin báo cáo đầy đủ nhằm chủ động phát hiện và quản lý các rủi ro tín dụng và có các biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro phù hợp. Cùng với đó, SHB cũng đang triển khai đơn vị theo dõi, cảnh báo sớm và giám sát các khoản nợ cần chú ý.

(iv) Sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập

Thông tư 41 yêu cầu các ngân hàng sử dụng xếp hạng tín nhiệm độc lập có thỏa thuận của các tổ chức xếp hạng đáp ứng các điều kiện theo quy định để xét hệ số rủi ro cho các khoản phải đòi định chế tài chính. Tại SHB, ngân hàng sử dụng kết quả xếp hạng của 03 tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập là Moody's, Standard & Poor và Fitch Rating (Chi tiết vui lòng xem tại Mục b. Nội dung định lượng bên dưới).

(v) Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Theo quy định của NHNN tại Thông tư 41, ngân hàng được phép giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thực hiện một hoặc kết hợp các biện pháp sau đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu tại Điều 11 đến Điều 15 Thông tư:

(1) Giảm thiểu bằng Tài sản đảm bảo

(2) Giảm thiểu bằng Bù trừ số dư nội bảng

(3) Giảm thiểu bằng Bảo lãnh của bên thứ ba

(4) Giảm thiểu bằng Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Tại thời điểm 30/06/2024, SHB giảm thiểu rủi ro tín dụng phần lớn bằng tài sản đảm bảo và không phát sinh giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng sản phẩm phái sinh tín dụng (Chi tiết vui lòng xem tại Mục b. Nội dung định lượng bên dưới).

b) Nội dung định lượng:

(i) Các khoản phải đòi xác định hệ số rủi ro dựa trên xếp hạng tín nhiệm độc lập và tài sản có rủi ro tín dụng hợp nhất tương ứng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Thứ hạng tín nhiệm	Tài sản có rủi ro
Từ AAA đến AA-	3.292
Từ A+ đến BBB-	247.695
Từ BB+ đến B-	3.809.646
Dưới B- hoặc không có xếp hạng	5.998.240
Tổng	**10.058.873**

(ii) Tài sản có rủi ro tín dụng theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
1.Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	**541.811.167**
Khoản phải đòi Chính phủ	1.778.676
Khoản phải đòi Định chế tài chính	8.279.003
Khoản phải đòi Doanh nghiệp (*)	452.347.200
Khoản phải đòi Bán lẻ (**)	51.060.547
Các loại tài sản khác	28.345.740
2. Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng đối tác	**88.537**

(*) Bao gồm các khoản phải đòi doanh nghiệp và cho vay bảo đảm bằng bất động sản cho KHDN.

(**) Bao gồm các khoản phải đòi bán lẻ, khoản cho vay thế chấp nhà, khoản cho vay bảo đảm bằng bất động sản của KHCN.

(iii) Tài sản có rủi ro tín dụng theo ngành của dư nợ cho vay khách hàng, cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị
Tổng cho vay khách hàng	**485.731.779**
1.Tổ chức kinh tế	**431.292.525**
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô và xe có động cơ khác	93.026.936
Xây dựng	57.665.328
Công nghiệp chế biến, chế tạo	95.835.126
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	19.789.298
Hoạt động kinh doanh bất động sản	87.091.204
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	18.600.904
Vận tải, kho bãi	27.828.319
Hoạt động dịch vụ khác	7.914.410
Khai khoáng	3.579.487
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.027.186
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	84.795
Các ngành khác	18.849.534
2. Cá nhân	**54.439.254**

(iv) Tài sản có rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng quy định cụ thể của Thông tư 41 theo số liệu hợp nhất cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị trước giảm thiểu	Giá trị sau giảm thiểu
Tổng tài sản theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu rủi ro	**88.828.100**	**12.732.302**
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng tài sản đảm bảo	34.228.217	11.496.626
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bù trừ nội bảng	54.599.884	1.235.676
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng bảo lãnh bên thứ 3	0	0
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng được giảm thiểu bằng phái sinh tín dụng	-	-
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng không áp dụng các biện pháp giảm thiểu	**529.078.865**	**529.078.865**
Tổng cộng	**617.906.965**	**541.811.167**

4. RỦI RO HOẠT ĐỘNG

a) Nội dung định tính:

Rủi ro hoạt động (RRHĐ) của SHB được định nghĩa: Là rủi ro do các quy trình nội bộ không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với SHB (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

(i) Chính sách quản lý rủi ro hoạt động hiện hành của SHB:

Trong 06 tháng đầu năm 2024, SHB đã rà soát, ban hành sửa đổi Chính sách Quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai, thống nhất khuôn khổ chung cho QLRRHĐ tại SHB theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Chính sách bao gồm các nội dung chính về:

- Thống nhất các khái niệm, phân loại RRHĐ và các nguyên tắc chung QLRRHĐ;
- Quy định về Mô hình 3 tuyến bảo vệ để kiểm soát rủi ro hoạt động và trách nhiệm tham gia QLRRHĐ xuyên suốt toàn ngân hàng: từ cấp HĐQT, Ủy ban QLRR, Tổng Giám đốc/Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng rủi ro, Khối QTRR, Bộ phận Giám sát Tuân thủ và toàn bộ cá nhân, Đơn vị tại SHB; thiết lập cán bộ Đầu mối RRHĐ tại mỗi Chi nhánh;
- Quy định về chiến lược, khẩu vị, hạn mức RRHĐ;
- Quy định về các phương pháp nhằm nhận diện, đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHĐ và các biện pháp ứng xử với RRHĐ;

- QLRRHĐ với các sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới, QLRRHĐ trong ứng dụng công nghệ và hoạt động thuê ngoài;
- Quy định về duy trì hoạt động liên tục;
- Mua bảo hiểm để giảm thiểu tổn thất do RRHĐ;
- Vốn yêu cầu cho RRHĐ;
- Báo cáo và truyền thông, cảnh báo về QLRRHĐ.

Hiện tại, SHB duy trì triển khai một số phương pháp nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro hoạt động sau: 1) Thu thập và phân tích số liệu tổn thất nội bộ và bên ngoài, 2) Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ, 3) Chỉ số rủi ro trọng yếu, 4) Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát, đáp ứng yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Bên cạnh đó, ngoài các bảo hiểm theo yêu pháp luật, SHB đã triển khai ký kết và duy trì một số hợp đồng bảo hiểm giảm thiểu tổn thất cho RRHĐ sau từ năm 2022 đến 2024: Bảo hiểm an ninh mạng (Cyber risk), Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (FIPI) và Bảo hiểm toàn diện rủi ro gian lận (BBB&ECC).

(ii) Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP):

SHB đã ban hành đầy đủ các văn bản và xây dựng kế hoạch BCP cụ thể với các tình huống gián đoạn theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN và triển khai thiết lập BCP tại các Đơn vị Hội sở trọng yếu và các Chi nhánh/Trung tâm kinh doanh của SHB.

Trong 06 tháng đầu năm 2024, SHB tổ chức vận hành luân phiên 06 hệ thống CNTT cấp độ 3, tổ chức kiểm thử tình huống tổng đài 24/7 bị ngừng hoạt động và kiểm thử BCP tại các Chi nhánh/PGD với các tình huống gián đoạn giả định sau: 1) Kiểm thử tình huống không tiếp cận được tòa nhà làm việc, phải di chuyển ra địa điểm làm việc dự phòng/sử dụng Đơn vị thay thế; 2) Kiểm thử tình huống phát sinh cháy nổ, cần sơ tán khẩn cấp khỏi tòa nhà/trụ sở làm việc; 3) Kiểm thử tình huống CN/PGD tạm thời dừng giao dịch.

b) Nội dung định lượng:

Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động được xác định trên 15% chỉ số kinh doanh trung bình của 3 năm gần nhất tại thời tính toán và được quy định theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư 41. Cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Cấu phần	Riêng lẻ	Hợp nhất
IC	18.236.422	18.915.933
FC	363.005	369.701
SC	1.679.004	1.770.101
BI	20.278.431	21.055.735
KOR (Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động)	**2.879.390**	**3.151.011**
12.5*KOR (Tổng tài sản có tính theo rủi ro hoạt động)	**35.992.377**	**39.387.637**

5. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

a) Nội dung định tính:

(i) Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường.

(ii) Chính sách quản lý rủi ro thị trường:

Chính sách quản lý RRTT được ban hành và rà soát, đánh giá định kỳ hàng năm hoặc đột xuất nhằm đảm bảo phù hợp với chiến lược quản trị rủi ro của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trên cơ sở các mục tiêu, nguyên tắc quy định tại Chính sách quản lý RRTT, SHB xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống các văn bản quy định, quy trình về quản lý RRTT như: Quy định phân tách sổ kinh doanh và sổ ngân hàng; Quy định đo lường RRTT; Hướng dẫn đo lường RRTT; Quy trình quản lý RRTT; Các văn bản quy định về hạn mức RRTT, … đảm bảo công tác quản lý RRTT được thực hiện hiệu quả và nhất quán:

- Chính sách quản lý RRTT quy định mục tiêu, nguyên tắc quản lý rủi ro để thực hiện các yêu cầu đối với chiến lược quản lý RRTT, hệ thống kiểm soát gồm 03 tuyến bảo vệ.
- SHB thực hiện chính sách quản lý rủi ro lãi suất, tỷ giá tập trung tại Hội sở chính. Ngân hàng xây dựng nguyên tắc quản lý RRTT trong điều kiện bình thường và điều kiện khủng hoảng thông qua thiết lập các giới hạn/hạn mức để quản lý, xây dựng kịch bản và thực hiện bài kiểm tra sức chịu đựng. Các biện pháp phòng ngừa và nguyên tắc áp dụng cũng được quy định như đóng bớt trạng thái, sử dụng các sản phẩm phái sinh/hedging, …
- Triển khai Chính sách quản lý RRTT, Ngân hàng đã ban hành đầy đủ hệ thống hạn mức RRTT để quản lý như: Hạn mức giao dịch viên (dealers limit); Hạn mức lỗ, cắt lỗ (stop loss limit); Hạn mức trạng thái/danh mục, Hạn mức thời gian nắm giữ tối đa; Hạn mức độ nhạy (PV01 – present value of 01 bps), … Các hạn mức RRTT được rà soát định kỳ tối thiểu hàng năm hoặc đột xuất khi có biến động lớn trên thị trường.
- Trên cơ sở hạn mức RRTT đã được thiết lập, SHB thực hiện đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá tình hình thực hiện tuân thủ hạn mức, đảm bảo khả năng cảnh báo sớm nhằm có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp.

(iii) Trình bày tóm tắt Chiến lược tự doanh;

Chiến lược tự doanh được xây dựng cho các hoạt động/sản phẩm tự doanh, xây dựng cho giai đoạn 03 năm và thực hiện rà soát hàng năm để có những điều chỉnh kịp thời với tình hình thị trường và điều kiện kinh doanh thay đổi. SHB xây dựng chiến lược tự doanh cho từng sản phẩm, từng loại tiền tệ, kèm theo các nguyên tắc phòng ngừa rủi ro cho từng nhóm sản phẩm trên cơ sở Khẩu vị rủi ro, đảm bảo tối ưu hóa Vốn, cân đối giữa mục tiêu lợi nhuận và tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng.

(iv) Danh mục thuộc sổ kinh doanh.

Danh mục thuộc sổ kinh doanh của SHB bao gồm:

- Danh mục trái phiếu trên sổ kinh doanh;
- Danh mục sản phẩm phái sinh lãi suất;
- Toàn bộ danh mục kinh doanh ngoại tệ bao gồm trạng thái giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn và giao dịch hoán đổi.

b) Nội dung định lượng:

Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường bao gồm vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. Đến thời điểm 30/06/2024, SHB không thực hiện các hoạt động kinh doanh cổ phiếu, hàng hóa và giao dịch quyền chọn nên không phát sinh vốn yêu cầu cho các rủi ro này.

Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối được tính toán theo hướng dẫn tại Thông tư 41. Cụ thể số liệu hợp nhất như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ		Hợp nhất	
	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	Tổng tài sản có rủi ro	Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	Tổng tài sản có rủi ro
Rủi ro lãi suất	671.626	8.395.322	671.626	8.395.322
Rủi ro giá cổ phiếu	0	-	0	-
Rủi ro ngoại hối	-	-	-	-
Rủi ro giá hàng hóa	0	-	0	-
Rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	0	-	0	-
Tổng	**671.626**	**8.395.322**	**671.626**	**8.395.322**



SHB

Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI
Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: (024) 3942 3388 | Fax: (024) 3941 0944
Website: www.shb.com.vn